

Bản án số: 51/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 01-7-2019
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đình Cường

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Ông Lê Thanh Phú – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 07 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 29/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 2 năm 2019, về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1987(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 78, Đường số 3, ấp TĐ, xã TB, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn H1 - Văn phòng luật sư PVH thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

* ***Bị đơn:*** Anh Trần Quốc H, sinh năm: 1984 (vắng)

Địa chỉ: Ấp IA, xã CH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: chị với anh Trần Quốc H tiến đến hôn nhân là do tìm hiểu và tự nguyện được gia đình hai bên chấp nhận, có tổ chức lễ cưới ngày 19/11/2004. Đến ngày 14/02/2006, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã CH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06/2006.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình chồng tại ấp IA, xã CH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long được khoảng 02 tháng thì đi lên thị xã TD1, thành phố Bình Dương làm thuê nhà ở trọ. Chị đi làm cho công ty giày da Cát Tường còn chồng chị đi làm nghề hồ bên ngoài, công việc bấp bênh, lại sinh tâm

uống rượu rồi đánh nhau với người làm chung nên sợ bị trả thù bỏ trốn. Tháng 10/2005, vợ chồng về quê cha mẹ ruột của chị ở, mua vịt nuôi bán đến khoảng tháng 4/2006 lại lên Bình Dương làm như cũ. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02/2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên nhậu say về kiếm chuyện chửi bới, đánh đập chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Tháng 02/2011, chị nộp đơn xin ly hôn với anh H nhưng được hòa giải đoàn tụ cho chồng chị cơ hội sửa chữa sai lầm nhưng anh H không chịu sửa chữa, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không cải thiện được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị T cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc H. Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Quốc T1, sinh ngày 29/01/2007, hiện chị T đang nuôi. Sau khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn anh Trần Quốc H biết về việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ của chị T cung cấp. Nhưng anh H không có văn bản trả lời và vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án không lý do.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu T có đơn xin Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Quốc H vắng mặt không có lý do.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T trình bày: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T. Xử cho chị T được ly hôn với anh H. Về con chung tiếp tục giao cháu Trần Quốc T1, sinh ngày 29/01/2007 cho chị T nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu T có đơn đề ngày 17/4/2019 xin Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định cho anh Trần Quốc H nhưng anh H vắng mặt không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2006 chị T với anh Trần Quốc H tiến đến hôn nhân là do tìm hiểu và tự nguyện được gia đình hai bên chấp nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã CH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06/2006 ngày 14/02/2006, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị T cho rằng quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02/2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên nhậu say về kiếm chuyện chửi bới, đánh đập chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Tháng 02/2011, chị nộp đơn xin ly hôn với anh H nhưng được hòa giải đoàn tụ cho chồng chị cơ hội sửa chữa sai lầm nhưng anh H không chịu sửa chữa, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không cải thiện được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Như vậy có đủ cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh H là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: cháu Trần Quốc T1, sinh ngày 29/01/2007 chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 27/02/2019 cháu T1 cũng có nguyện vọng sống với mẹ là chị T nếu cha mẹ ly hôn nhau. Xét trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn cháu T1 sống với chị T, cuộc sống sinh hoạt, học tập của cháu T1 ổn định. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T: tiếp tục giao Trần Quốc T1 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con do bên trực tiếp nuôi con không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Quốc H.

2/Về con chung: Giao con tên Trần Quốc T1, sinh ngày 29/01/2007 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do bên trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0006847, ngày 11/02/2019, chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAT: 01;
- VKSND huyện MT: 01;
- THADS huyện MT: 01;
- UBND xã CH: 01;
- Đưng sự: 02 ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Tám